



DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
học kỳ II năm học 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số 3345 /QĐ-ĐHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Khoa	Lớp	Đối tượng KII 2425	Mức hỗ trợ/tháng	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
1	23040689	Bùi Thu Thủy	22/03/2005	NN&VH Anh	QH.2023.F.1.E18.NN3	DT-Cận nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
2	23040560	Bùi Dương Nhi	10/09/2005	NN&VH Anh	QH.2023.F.1.E21.NN3	DT-Hộ nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
3	23040664	Phan Thị Mai Thảo	19/12/2005	NN&VH Anh	QH.2023.F.1.E21.NN3	DT-Hộ nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
4	23040376	Lương Thị Hồng Hiệp	02/02/2005	NN&VH Anh	QH.2023.F.1.E22.NN3	DT-Cận nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
5	23040214	Hạng Thị Vân Anh	25/11/2005	NN&VH Anh	QH.2023.F.1.E24.NN3	DT-Cận nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
6	23040511	Lục Trà My	15/08/2005	NN&VH Anh	QH.2023.F.1.E24.NN3	DT-Hộ nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
7	23041925	Lô Văn Tý	21/02/2005	NN&VH Anh	QH.2023.F.1.VH2.NN4	DT-Hộ nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
8	21041030	Trần Hà Linh	27/08/2003	NN&VH Anh	QH.2021.F.1.E13.NN23	DT-Cận nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
9	21040680	Vi Thị Bích	15/09/2003	NN&VH Anh	QH.2021.F.1.E18.SP	DT-Cận nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
10	21040688	Quảng Thị Hà	09/04/2002	NN&VH Anh	QH.2021.F.1.E18.SP	DT-Hộ nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
11	22040696	Vi Thị Linh Chi	16/11/2004	NN&VH Anh	QH.2022.F.1. E14.KD-TM3	DT-Cận nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
12	22040499	Đinh Hoàng Long	10/04/2004	NN&VH Anh	QH.2022.F.1. E16.NN-VH3	DT-Hộ nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
13	22040509	Vũ Thị Thu Hà	19/08/2004	NN&VH Anh	QH.2022.F.1.E8.BPD	DT-Cận nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
14	24041555	Lò Thị Minh Huyền	01/01/2005	NN&VH Đức	QH.2024.F.1.G3.NN	DT-Cận nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
15	23041782	Lữ Thị Thảo	12/04/2005	NN&VH Hàn Quốc	QH.2023.F.1.K5.NN	DT-Hộ nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
16	23041621	Vi Thị Hương Diệu	09/03/2005	NN&VH Hàn Quốc	QH.2023.F.1.K9.NN	DT-Cận nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
17	24042178	Trần Quang Vinh	17/05/2006	NN&VH Hàn Quốc	QH.2024.F.1.K9.NN	DT-Hộ nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
18	24041804	Bùi Thị Thanh Ngân	09/02/2006	NN&VH Nhật Bản	QH.2024.F.1.J7.NN	DT-Hộ nghèo	1.404.000	5	7.020.000	

19	21040740	Hoàng Văn Mạnh	13/02/2003	NN&VH Trung Quốc	QH.2021.F.1.C1.SP	DT-Hộ nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
20	21040739	Lê Thị Khánh Huyền	06/01/2003	NN&VH Trung Quốc	QH.2022.F.1.C8.SP	DT-Cận nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
21	23041159	Hoàng Phương Thảo	23/10/2005	NN&VH Trung Quốc	QH.2023.F.1.C2.NN	DT-Cận nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
22	23041132	Cử Y Phương	20/10/2005	NN&VH Trung Quốc	QH.2023.F.1.C3.NN	DT-Cận nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
23	23041061	Bùi Thị Lệ	14/09/2005	NN&VH Trung Quốc	QH.2023.F.1.C4.NN	DT-Hộ nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
24	23041151	Hồ Thị Ngọc Tú	01/09/2005	NN&VH Trung Quốc	QH.2023.F.1.C5.NN	DT-Cận nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
25	24041490	Phan Hà Trang	10/02/2006	NN&VH Trung Quốc	QH.2024.F.1.C8.NN	DT-Cận nghèo	1.404.000	5	7.020.000	
	TỔNG								175.500.000	

Danh sách này có 25 sinh viên